

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2018

"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Thúy.

- Bà Nguyễn Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 17/8/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, về việc: ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2018. Quyết định hoãn phiên tòa số 16a/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2018 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị K, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Đức T, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- *Người làm chứng:*

Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1965

Đều ở địa chỉ : Thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2018 của chị Đặng Thị K và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Đỗ Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/9/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2013 anh T đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu anh T có gửi tiền về cho chị để chị nuôi con nhưng từ năm 2015 anh T không gửi cho chị đồng nào, trong khi chị ở nhà một mình phải lao động

kiếm tiền nuôi hai con còn nhỏ, ngoài ra trong thời gian anh T đi nước ngoài, ở nhà giữa chị và mẹ đẻ anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị đã về nhà đẻ ở từ năm 2015 đến nay. Tháng 4 năm 2018 anh T về nước, cũng trong thời gian này chị bị ốm phải đi nằm điều trị tại viện gần một tháng nhưng anh T không một lời hỏi han và cũng không lên thăm nom chị lần nào. Vợ chồng thực sự không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau đã từ năm 2015 cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Công H, sinh ngày 28/01/2008 và Đỗ Công N, sinh ngày 27/01/2011. Khi ly hôn, chị đề nghị do các con chị đều trên 07 tuổi nếu các con chị có nguyện vọng ở với bố hay mẹ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu. Nếu các con đều có nguyện vọng ở với chị thì chị nhất trí nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Đỗ Đức T, ngày 10/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án cho anh T, anh T đã cầm đọc lại nhưng sau đó anh T không ký vào biên bản giao nhận và trả lại thông báo cho Tòa án. Mặc dù đã được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh T không viết bản tự khai, không trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bỏ về và không đến Tòa án giải quyết vụ kiện. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn vắng mặt. Do bị đơn anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành được phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, chị K giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, đề nghị xin ly hôn anh T. Về con chung: Căn cứ theo nguyện vọng của các con chị, chị nhất trí đề nghị được nuôi con Đỗ Công H để cho anh T nuôi con Đỗ Công N, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Bị đơn anh Đỗ Đức T mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được Tòa án làm thủ tục tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên

tòa, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị K.
- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị K ly hôn anh Đỗ Đức T.
- Về quan hệ con chung: Xử giao con Đỗ Công H, sinh ngày 28/01/2008 cho chị K nuôi. Giao con Đỗ Công N, sinh ngày 27/01/2011 cho anh T nuôi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.
- Về án phí: Chị Đặng Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 27/4/2018 chị Đặng Thị K làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Đức T có địa chỉ nơi cư trú tại thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Ngày 10/5/2018 tại trụ sở Tòa án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh T, anh T đã cầm đọc lại nhưng không ký vào biên bản và trả lại thông báo thụ lý cho Tòa án, anh T cũng không viết bản tự khai thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tự ý bỏ về. Sau đó Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh, ông D và bà V cho biết, anh T bỏ đi làm từ ngày 05/6/2018, anh T không thông báo cho gia đình biết địa chỉ nơi làm. Do không thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T được nên Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thời gian Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng đã đảm bảo theo quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Đỗ Đức T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị K và anh Đỗ Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khoảng năm 2013-2014 anh T đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu anh T luôn quan tâm đến vợ con, hàng tháng gửi tiền về cho chị. Kể từ năm 2015 trở đi anh T không quan tâm gì đến chị và các con, anh T không gửi về cho chị đồng nào, trong khi đó chị ở nhà một mình phải nuôi hai con còn nhỏ, từ đó vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau qua điện thoại. Mặt khác trong thời gian anh T đi vắng, ở nhà chị và mẹ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nên năm 2015 chị K đã đi khỏi nhà chồng lên Hải Dương làm ăn và sinh sống từ đó cho đến nay. Đến tháng 4 năm 2018 anh T về nước, cùng thời gian này chị K bị ốm phải đi điều trị tại bệnh viện nhưng anh T không

hệ quan tâm hỏi han gì đến chị và cũng không lần nào đến thăm chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã không còn từ năm 2015, kể từ khi anh T về nước vợ chồng cũng không có ngày nào chung sống cùng nhau. Đối với anh T mặc dù biết Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ kiện xin ly hôn giữa chị K với anh, nhưng anh T cũng không hợp tác với Tòa án trong việc giải quyết vụ án, khi Tòa án triệu tập lên làm việc, anh T không viết bản tự khai, không nhận thông báo thụ lý vụ án và tự ý bỏ về, sau đó bỏ đi làm ăn không cho chị và gia đình biết địa chỉ. Mặc dù anh T không thể hiện quan điểm của mình nhưng qua xác minh lời khai của ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị V là bố, mẹ đẻ anh T cũng như đoàn thể, chính quyền địa phương nơi anh T cư trú thì thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị K và anh T đã xảy ra từ lâu, không cải thiện được. Năm 2015 chị K lại bỏ nhà chồng chuyển lên Thành phố Hải Dương làm ăn và sinh sống, vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai từ năm 2015 cho đến nay. Sau khi biết được chị K đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T không có quan điểm gì và cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ mà lại bỏ đi làm ăn, điều đó thể hiện anh T cũng không có thiện trí quay về chung sống cùng chị K, không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng, việc anh T không đến Tòa án giải quyết vụ án cũng chỉ là gây khó khăn cho chị K và Tòa án trong việc giải quyết vụ án. Từ những căn cứ trên chứng tỏ mục đích hôn nhân của vợ chồng chị K và anh T không đạt được nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị K xử cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Công H, sinh ngày 28/01/2008 và Đỗ Công N, sinh ngày 27/01/2011. Chị K đề nghị, sau khi ly hôn nếu các con chị có nguyện vọng được ở với chị hay ở với anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai hỏi nguyện vọng của hai cháu, cháu H có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Nguyên có nguyện vọng ở với bố. Để đảm bảo nguyện vọng của các con anh chị, HĐXX giao cháu Hưng cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyên giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K, anh T không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Đặng Thị K phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí số 97/2015 ngày 25/11/2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Đặng Thị K ly hôn anh Đỗ Đức T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đỗ Công H, sinh ngày 28/01/2008 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Đỗ Công N, sinh ngày 27/01/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị K, anh T có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị K phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được khấu trừ vào số tiền chị K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AB/2014/0003713 ngày 04/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đỗ Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Gia Lộc.
- UBND xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Minh Yến

